TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS - ST
Ngày: 23 - 4 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Lương Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Lê Thanh T, sinh năm 1995** (vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Bà Trương Thị Thanh T2, sinh năm 1969** (theo Giấy ủy quyền ngày 05/12/2024) (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 26/82 đường T3, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Bà Huỳnh Thị Kim T1, sinh năm 1970** (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 99/1 đường C, phường V (nay là phường V1), thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người làm chứng: **Ông Lê Bá Đ, sinh năm 1972** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 64/2 đường N, phường V1, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Thanh T và bà Trương Thị Thanh T2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Do trước đây Lê Thanh T – là con trai của bà T2 có một phần đất tại Mũi Nai, Hà Tiên cần chuyển nhượng nên đã rao bán với giá 600.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Kim T1 đã liên hệ mua phần đất này; nhưng do không đủ tiền nên đã thiếu lại số tiền 400.000.000 đồng. Hai bên thống nhất chuyển số tiền này thành nợ vay và có lập Giấy nhận nợ ngày 10/4/2022 với số tiền vay là 400.000.000 đồng. Giấy nhận nợ là do ông T tự soạn thảo đánh máy theo các nội dung được hai bên thống nhất, bao gồm: lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng; lãi suất quá hạn 3%/ tháng; đóng lãi vào ngày 10 dương lịch hàng tháng; thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 20/4/2022 đến ngày 20/4/2023. Giấy nhận nợ được lập thành 02 bản, giao cho mỗi bên giữ 01 bản; bên cho vay và bên vay ký tên xác nhận. Ngoài ra còn có người làm chứng ký tên là Lê Bá Đ; ông Đ là ba ruột của T, cũng là người giới thiệu bà T1 mua đất của T. Bà T2 và ông Đ đã ly hôn từ năm 2010.

Lý do bà T1 nhận nợ ngày 10/4/2022, nhưng trong Giấy nhận nợ lại ghi thời hạn vay tính từ ngày 20/4/2022 là vì ngày 10/4/2022 là ngày hai bên xác lập hợp đồng chuyển nhượng; nhưng do đến ngày 20/4/2022 bà T1 mới ký tên vào Giấy nhận nợ này nên ghi thời hạn vay tính từ ngày 20/4/2022.

Tuy nhiên từ khi xác nhận nợ đến nay thì bà T1 không đóng lãi theo thỏa thuận; ông T đã nhiều lần điện thoại và gặp trực tiếp nhưng bà T1 chỉ hứa hẹn và cố tình không trả nợ gốc và nợ lãi.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 phải trả cho ông T số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và chịu lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 20/5/2022 đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày nêu trên và đồng thời tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi của số tiền vay; chỉ yêu cầu bà T1 trả nợ gốc 400.000.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2025 người làm chứng ông Lê Bá Đ trình bày:

Theo ông biết thì thời điểm đó bà T1 đã mua một phần đất của T nhưng do thiếu tiền nên hai bên thống nhất chuyển thành khoản nợ vay với số tiền 400.000.000 đồng. Ông là cha ruột của T nên khi đó T đã nhờ ông ký tên vào giấy nhận nợ với tư cách người làm chứng. Giấy này các bên ký tại nhà của bà T1 khi đó là số 88 – 90 đường T4, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim T1: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 91, 92, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà T1 trả cho ông T số tiền vay gốc 400.000.000 đồng; đồng thời đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi mà nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ông Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim T1 phải trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị Kim T1 là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Huỳnh Thị Kim T1, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Xét thấy bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T1.

[2] *Về nghĩa vụ chứng minh của bị đơn:*

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bị đơn bà T1 không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản vay nguyên đơn yêu cầu trả hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Như vậy, bà T1 đã không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] *Về hợp đồng vay tài sản:*

Nguyên đơn ông Lê Thanh T yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Kim T1 trả số nợ vay 400.000.000 đồng theo chứng cứ là Giấy nhận nợ đề ngày 10/4/2022; nội dung biên nhận là bà T1 xác nhận có vay của ông T số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày 20/4/2022 đến 20/4/2023; lãi suất vay thỏa thuận 02%/ tháng, lãi suất quá hạn 03%/ tháng; bên cho vay là ông T, bên vay là bà T1 và người làm chứng ông Lê Bá Đ cùng ký tên xác nhận. Ngoài ra ở mặt sau của Giấy nhận nợ ngày 10/4/2022, bà T1 còn viết tay xin gia hạn thời gian trả lãi đến 15/9/2023 và ký tên xác nhận.

Xét thấy biên nhận nợ nêu trên thể hiện đầy đủ các thông tin về địa chỉ bên vay và bên cho vay, ngày tháng và số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay, đồng thời có chữ ký xác nhận của các bên, nên giao dịch dân sự về vay tài sản có kỳ hạn và có lãi giữa hai bên được xác lập hợp pháp.

Về thời hạn vay theo thỏa thuận đến nay đã hết, nhưng bên vay là bà T1 không trả nợ gốc và nợ lãi cho ông T là vi phạm nghĩa vụ của bên vay và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên cho vay; do đó ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 400.000.000 đồng là phù hợp với các

tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp quy định tại Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa, bà T2 - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung tính lãi của số tiền vay, chỉ còn một yêu cầu khởi kiện là buộc bà T1 trả số nợ gốc 400.000.000 đồng. Xét thấy, theo nội dung ủy quyền của nguyên đơn thì người được ủy quyền được toàn quyền quyết định mọi vấn đề trong vụ án với tư cách là nguyên đơn; nên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hợp lệ và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị đơn bà T1 phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả 400.000.000 đồng, án phí được xác định là 20.000.000 đồng (400.000.000 đồng x 5%).

Nguyên đơn ông T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007477 ngày 10/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 266, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh T đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Huỳnh Thị Kim T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh T số tiền vay gốc **400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng)**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T về nội dung yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Kim T1 phải chịu án phí giá ngạch là 20.000.000 đồng đồng (hai mươi triệu đồng).

Ông Lê Thanh T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0007477 ngày 10/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Rạch Giá;
- Lưu.